

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SL
TỈNH SL**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 03/7/2024
V/v “*tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SL, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Quỳnh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Thúy
2. Bà Lò Thị Quỳnh

- Thư ký phiên toà: Bà Cà Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/6/2024 và ngày 03/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố nhân dân thành phố SL, tỉnh SL mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo quyết định tạm ngừng phiên toà số 04/2024/QĐST-DS ngày 05/6/2024, thông báo thời gian mở phiên toà xét xử vụ án dân sự số 485/TB-TA ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố SL, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, S năm 1970. Địa chỉ: số 13, tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị S, năm 1965. Địa chỉ: số 69, tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Đỗ Văn C, S năm 1967. Địa chỉ: Tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố SL, tỉnh SL. Có mặt.

- Bà Hà Thị S, S năm 1981. Địa chỉ: Tổ 1, phường Quyết Tâm, thành phố SL, tỉnh SL. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 01/8/2016 bà Nguyễn Thị T có cho bà Hà Thị S vay số tiền là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn), hẹn đến ngày 01/2/2017 bà S sẽ trả nhưng đến nay bà S vẫn chưa trả tiền cho bà T. Tháng 4 năm 2023 bà T có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố SL nhưng sau đó lại xin rút đơn để nộp đơn tố cáo ra Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh SL đối với bà Hà Thị S về tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh SL trả lời đây là tranh chấp dân sự. Vì vậy bà T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố SL đề nghị:

Yêu cầu bà S phải trả cho bà T số tiền gốc là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/7/2016 đến ngày 29/2/2024 là 92 tháng, mức lãi suất là 1%/1 tháng là 349.600.000đ (ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn). Tổng số tiền bà S phải trả cho bà T là 729.000.000đ (bảy trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn).

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị S trình bày:

Bà S xác nhận ngày 01/8/2016 có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn). Chữ viết, chữ ký tại Giấy vay tiền ngày 01/8/2016 đúng là chữ viết, chữ ký của bà S. Tuy nhiên, bà S đã trả hết số tiền vay trên cho bà T làm 03 lần, trong đó có 02 lần trả mỗi lần 100 triệu và một lần trả 180 triệu. Bà S không nhớ chính xác thời gian trả tiền, việc trả tiền chỉ được ký vào sổ giáo án của bà T, ngoài ra không có giấy tờ nào khác và không có ai chứng kiến. Vì vậy, bà S không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Tại buổi đối chất ngày 12/6/2024, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng trình bày như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 380 triệu, rút yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi.

- Bị đơn bà Hà Thị S xuất trình 01 bản gốc giấy có nội dung trả tiền cho bà T ghi ngày 19/5/2019 trả cho bà T số tiền 7.000.000đ và các lần trả nợ cho bà T vào năm 2019. Phía trên cùng bên phải của tờ giấy có ghi ngày 03/03/2017 = 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn), bà S trình bày ngày 03/03/2017 đã trả cho bà T 100.000.000đ và bà ghi lại vào tờ giấy trên để nhớ. Bà T cho rằng đây là chữ là S tự viết thêm vào giấy biên nhận trả tiền chứ không có xác nhận của bà T và bà T không nhất trí với nội dung này. Bà T giữ nguyên yêu cầu bà S phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ.

- Người làm chứng là ông Đỗ Văn C trình bày bà S có vay của bà T số tiền 380.000.000đ. Ông C đã nhiều lần cùng bà T đến đòi nợ nhưng bà S không trả.

- Người làm chứng bà Hà Thị S trình bày bà S có vay của bà T số tiền 3800.000.000đ tuy nhiên đã trả hết cho bà T số tiền trên làm 03 lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố SL phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án; thực hiện thu thập và giao nhận, công khai chứng cứ đầy đủ, đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về các nguyên tắc xét xử, thành phần, trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bà Hà Thị S phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*). Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm trả là 349.000.000 (do nguyên đơn đã rút yêu cầu).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố SL, tỉnh SL. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố SL, tỉnh SL.

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết: Giao dịch dân sự vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T với bà Hà Thị S trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đòi bà Hà Thị S phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/7/2016 đến ngày 29/2/2024 là 92 tháng, mức lãi suất là 1%/1 tháng là 349.000.000đ (*ba trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*), tổng số tiền bà S phải trả cho bà T là 729.000.000đ (*bảy trăm hai mươi chín triệu đồng chẵn*), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, đối với khoản tiền gốc: vào ngày 01/8/2016 bà Hà Thị S có viết Giấy vay tiền của bà Nguyễn Thị T số tiền 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) hạn đến ngày 01/02/2017 sẽ trả. Tại bản tự khai và tại buổi hoà giải các đương sự đều xác nhận có việc vay mượn số tiền 380 triệu, chữ viết, chữ ký trên Giấy vay tiền đề ngày 01/8/2016 là của bà Hà Thị S. Như vậy, việc bà S vay tiền bà T là có thật, có giấy tờ vay mượn và hạn ngày trả nợ, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).

Bị đơn bà Hà Thị S trình bày đã trả hết số tiền vay trên cho bà T làm 03 lần, trong đó có 02 lần trả mỗi lần 100 triệu và một lần trả 180 triệu. Bà S không nhớ chính xác thời gian trả tiền, việc trả tiền chỉ được ký vào sổ giáo án của bà T, ngoài ra không có giấy tờ nào khác và không có ai chứng kiến. Tại phiên tòa ngày 05/6/2024, bà Hà Thị S có giao nộp cho Hội đồng xét xử 01 tờ giấy viết tay thể hiện các nội dung trả tiền cho bà Nguyễn Thị T ghi ngày 19/5/20219 trả cho bà T số tiền 7.000.000đ và các lần trả nợ cho bà T vào năm 2019. Phía trên cùng bên phải của tờ giấy có ghi “*ngày 03/03/3017 = 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn)*”. Theo trình bày của bà S đây là chữ bà S tự ghi thêm vào sau ngày 19/5/2019 để nhớ việc trả nợ số tiền 100.000.000đ cho bà T vào ngày 03/03/2017, còn các nội dung trả tiền cho bà T ở trong tờ giấy trên là của khoản nợ khác, không liên quan tới khoản nợ 380.000.000đ. Bà T cho rằng đây là bà S tự viết thêm vào chứ không có xác nhận của bà đã nhận số tiền 100.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy bà S trình bày đã trả nợ cho bà T hết khoản nợ trên từ năm 2017. Nên việc bà S xuất trình tờ giấy ghi nội dung trả tiền 03/03/2017 không phải là căn cứ thể hiện việc bà T đã nhận số tiền 100.000.000đ, do đây chỉ là chữ bà S tự viết thêm vào sau ngày 19/5/2019. Bà S cho rằng đã trả tiền cho bà T nhưng không xuất trình được được căn cứ, tài liệu chứng minh việc đã trả tiền cho bà T nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét ý kiến của bà S. Bà S phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ hai, đối với yêu cầu trả tiền lãi: Xét thấy việc nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày 05/6/2024 và phiên tòa ngày 03/7/2024 bà S đã xuất trình chứng cứ và trình bày bà S đã trả lãi cho bà T số tiền 15.200.000 đồng. Bà T và bà S thừa nhận đây là số tiền lãi của khoản tiền vay 380.000.000 đồng. Phía bị đơn cho rằng đó là số tiền lãi đã trả trong nhiều tháng nhưng không nhớ cụ thể của tháng nào. Phía nguyên đơn cho rằng đây là số tiền lãi nguyên đơn tính toán để theo dõi chứ bị đơn chưa trả tiền lãi 15.200.000 đồng cho nguyên đơn. Mặt khác khoản lãi đó cũng không có chữ ký nhận của bị đơn mà là chữ viết của nguyên đơn, do đó xét thấy không có căn cứ để giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 117, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn bà Hà Thị S phải trả số tiền gốc là 380.000.000đ (*ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà Nguyễn Thị T.

3. Về án phí: Bị đơn bà Hà Thị S phải chịu 19.000.000đ (*mười chín triệu đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 16.500.000đ (*mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001470 ngày 07/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố SL, tỉnh SL.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/7/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND thành phố SL;
- Chi cục THADS thành phố SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Quỳnh Trang

